

Bản án số: 449/2021/LĐ-PT

Ngày: 11/5/2021

V/v Tranh chấp đơn phương chấm
dứt hợp đồng lao động.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoàng Hoa

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Tài

Ông Phan Nguyên Nguyên

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Thị Thanh Phương - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án Lao động thụ lý số 57/2020/TLPT-LĐ, ngày 19 tháng 11 năm 2020 về: “Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”.

Do bản án lao động sơ thẩm số 06/2020/LĐ-ST, ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo toàn bộ bản án.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 665/2021/QĐ-PT, ngày 01 tháng 3 năm 2021. Và Quyết định hoãn phiên tòa số 2580/2021/QĐ-PT, ngày 25 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông A.S. Sinh năm 1957.

Địa chỉ: Số 5 Đường số CH, Khu phố N, phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Ánh Ng. Sinh năm 1995.

Địa chỉ: Phòng 302, 9 Đường P.K, phường K, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh.

Bà Trần Thị Thủy Tiên. Sinh năm 1996.

Địa chỉ: Phòng 302, 9 Đường P.K, phường K, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền số công chứng 15575, quyền số 07 TP/CC-SCC/HĐGD, ngày 27/7/2020 lập tại Văn phòng công chứng Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh). (có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Bà Đinh Thị Quỳnh Như.

Địa chỉ: Phòng 302, 9 Đường P.K, phường K, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh.

Luật sư Công ty Luật TNHH MTV A.L, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Đăng ký bảo vệ theo yêu cầu của nguyên đơn từ ngày 26/8/2020). (có mặt).

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn H.VN.

Trụ sở: Tầng 6 và Phòng số 5.01 Tầng 5 Tòa nhà VT, số 628C đường XN, phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông B.V.D - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh T.

Địa chỉ: Phòng 2401, Tòa RV, số 2 đường TT, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Văn bản ủy quyền ngày 03/3/2020). (có mặt).

3. Người kháng cáo: Công ty TNHH H.VN.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông A.S có bà Phạm Thị Ánh Ng là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông A.S là người lao động nước ngoài được Công ty TNHH H.VN (sau đây được viết tắt là H.VN) mời về Việt Nam làm việc với chức danh Giám đốc dự án theo Thư mời làm việc ngày 30/4/2016 của H.VN. Theo quy định của pháp luật Việt Nam, H.VN có trách nhiệm xin cấp Giấy phép lao động cho ông A.S tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Dựa trên cơ sở hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép lao động của H.VN, Sở Lao động Thương binh và Xã hội Thành phố H đã cấp Giấy phép lao động số SLĐ 085094 ngày 04/8/2016 với thời hạn làm việc từ ngày 20/8/2016 đến ngày 15/6/2018 cho ông A.S. Sau khi hết thời hạn của Giấy phép lao động số SLĐ 085094, ông A.S được cơ quan có thẩm quyền cấp lại Giấy phép lao động số 057197/SLĐ-GP, ngày 29/5/2018 với thời hạn làm việc từ ngày 15/6/2018 đến ngày 15/6/2020 dựa trên hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép lao động của H.VN.

Theo quy định, H.VN phải ký Hợp đồng lao động xác định thời hạn với thời hạn hợp đồng phù hợp với thời hạn giấy phép lao động mà ông A.S đã được cấp. Tức, ký Hợp đồng lao động với thời hạn từ ngày 20/8/2016 đến ngày 15/6/2018 và Hợp đồng lao động với thời hạn từ ngày 15/6/2018 đến ngày 15/6/2020. Tuy nhiên, H.VN đã không ký kết Hợp đồng lao động với ông A.S theo đúng thời hạn nêu trên, cụ thể:

- Ngày 15/8/2016, H.VN ký Hợp đồng lao động số 1st/FTE_Code/903408 có thời hạn từ ngày 20/8/2016 đến ngày 30/6/2017.

- Ngày 30/6/2017, H.VN ký Hợp đồng lao động số 2nd/FTE_Code/903408 có thời hạn từ ngày 01/7/2017 đến ngày 31/12/2017.

- Ngày 11/12/2017, H.VN ký Hợp đồng lao động số 201712/FTE_Code/903408 có thời hạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018.

Ngày 04/9/2018, H.VN có Thư thông báo chấm dứt Hợp đồng lao động số 201712/FTE_Code/903408 đối với ông A.S vì không tiếp tục gia hạn Hợp đồng. Theo đó, Hợp đồng lao động số 201712/FTE_Code/903408 sẽ hết hạn vào ngày 31/12/2018. Ngày 27/12/2018, H.VN ban hành Quyết định số HR/2018-1205 về việc chấm dứt Hợp đồng lao động với ông A.S kể từ ngày 01/01/2019 thay vì đảm bảo thời gian làm việc theo đúng thời hạn của Giấy phép lao động.

Căn cứ Công văn phản hồi số 40836/SLĐTBXH-LĐ ngày 27/11/2019 của Sở Lao động Thương binh và Xã hội Thành phố H trả lời rằng trong trường hợp này phải thực hiện giao kết hợp đồng lao động với thời hạn hợp đồng lao động phù hợp với thời hạn giấy phép lao động đã được cấp. Việc H.VN chấm dứt Hợp đồng lao động với ông A.S như trên là trái quy định pháp luật và gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động. Với thiện chí của mình, ông A.S đã nhiều lần liên hệ yêu cầu H.VN giải quyết các vấn đề nêu trên nhưng H.VN từ chối giải quyết. Vì vậy, để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình, ông A.S thực hiện việc khởi kiện đối với H.VN.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết: Buộc H.VN phải trả tiền lương trong những ngày ông A.S không được làm việc tính từ ngày 01/01/2019 (ngày Bị đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động) cho đến khi hết thời hạn của Giấy phép lao động ngày 15/6/2018 (ngày 15/6/2020), tương đương 17 tháng 15 ngày và bồi thường cho ông A.S 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động, với tổng số tiền là 5.189.256.540 đồng. Thực hiện một lần ngay khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Tiền lương 01 tháng (dùng làm căn cứ yêu cầu) được xác định theo Hợp đồng lao động số 201712/FTE_Code/903408, bao gồm: Lương cơ bản 8.295 USD và các khoản phụ cấp, tổng cộng: 11.436 USD/tháng. Không yêu cầu tiếp tục ký hợp đồng nữa vì đến nay thời hạn lao động tại Việt Nam đã hết theo giấy phép. Tính đến thời điểm nguyên đơn bị chấm dứt hợp đồng lao động thì thời hạn còn lại của giấy phép lao động trên là 17 tháng 15 ngày. Người xin giấy phép lao động và đề xuất thời hạn giấy phép là bị đơn. Như vậy, ý chí của bị đơn là duy trì quan hệ lao động với nguyên đơn tối thiểu đến hết thời hạn của giấy phép lao động nên việc nguyên đơn được xác định thời gian còn lại của Giấy phép lao động ngày 29/5/2018 là thời gian không được làm việc của nguyên đơn là phù hợp. Từ ba luận cứ trên, Luật sư của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn H.VN có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Minh T trình bày:

Vì GPLĐ số 01 hết hạn vào ngày 15/6/2018 trong khi HĐLĐ số 03 vẫn còn thời hạn đến ngày 31/12/2018. Do đó, để nguyên đơn có thể tiếp tục làm việc cho thời hạn còn lại của HĐLĐ số 03, bị đơn đã nộp hồ sơ xin cấp lại giấy

phép lao động số 02. Tuy nhiên, do sai sót của bộ phận hành chính, thay vì xin cấp giấy phép lao động có thời hạn 06 tháng (từ 15/6/2018 đến 31/8/2018), bị đơn đã xin cấp giấy phép lao động lần 02 cho nguyên đơn có thời hạn 02 năm (từ 16/6/2018 đến 15/6/2020). Ngày 29/05/2018, Sở Lao động Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh cấp lại cho nguyên đơn Giấy phép Lao động số 057197/SLĐ-GP có thời hạn từ ngày 15/06/2018 đến ngày 15/06/2020 (sau đây gọi tắt là “GPLĐ số 02”). Tuy nhiên, không có bất kỳ hợp đồng lao động nào giữa nguyên đơn và bị đơn được ký kết căn cứ vào GPLĐ số 02. Ngày 04/09/2018, bị đơn thông báo đến nguyên đơn về việc không ký một hợp đồng lao động mới sau khi HĐLĐ số 03 kết thúc. Ngày 25/12/2018, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn dưới hình thức chuyển khoản gồm các khoản lương và trợ cấp trước khi chấm dứt hợp đồng lao động, việc chi trả có xác nhận của nguyên đơn. Ngày 27/12/2018, bị đơn ban hành Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động số HR 2018-1205 về việc chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn.

Đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn không đồng ý. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn với lý do sau:

Căn cứ pháp lý mà nguyên đơn đã viện dẫn các quy định pháp luật gồm: Điều 173, Điều 174 Bộ Luật Lao Động 2012 và Khoản 1 Điều 11 Nghị Định 11/2016/NĐ-CP, ngày 11/12/2019 để làm cơ sở kết luận rằng bị đơn phải ký kết HĐLĐ số 03 với nguyên đơn theo thời hạn của GPLĐ số 02 là không có nội dung quy định như trích dẫn. Như vậy, nguyên đơn khởi kiện dựa trên suy diễn của mình chứ không căn cứ vào quy định của pháp luật.

Nguyên đơn không có nghĩa vụ phải ký kết HĐLĐ số 03 có thời hạn bằng với thời hạn của GPLĐ số 02. Tại thời điểm bị đơn và nguyên đơn ký kết HĐLĐ số 03 (ngày 11/12/2017), GPLĐ số 02 chưa được cấp (GPLĐ số 02 được cấp ngày 29/5/2018, có thời hạn từ 15/6/2018 đến ngày 15/6/2020). Do đó, không thể kết luận rằng, HĐLĐ số 3 được ký căn cứ vào GPLĐ số 2. Như đã trình bày, việc bị đơn thực hiện các thủ tục để xin GPLĐ số 02 cho nguyên đơn là để nguyên đơn có thể tiếp tục làm việc cho thời gian còn lại của HĐLĐ số 03 (06 tháng từ 15/6/2018 đến 31/12/2018). Về mặt ý chí, nguyên đơn và bị đơn không có bất kỳ cam kết nào với nhau về việc sẽ ký kết một hợp đồng lao động theo thời hạn của GPLĐ số 02. Các quy định của pháp luật lao động Việt Nam quy định rất rõ ràng, thời hạn của giấy phép lao động phải được xác định theo thời hạn của hợp đồng lao động.

Việc bị đơn chấm dứt HĐLĐ số 03 với nguyên đơn là không trái pháp luật. HĐLĐ số 03 là một hợp đồng lao động xác định thời hạn và được ký kết hoàn toàn đúng theo luật lao động, có thời hạn từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018 nên bị đơn chấm dứt HĐLĐ với nguyên đơn không phải là hành vi đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động mà hợp đồng chấm dứt theo quy định tại Khoản 1 Điều 36 Bộ luật Lao động năm 2012. Ngoài ra, mặc dù không thuộc trường hợp phải thông báo trước theo quy định tại Điều 47 Bộ luật Lao động năm 2012 nhưng bị đơn đã gửi thông báo trước cho nguyên đơn về việc bị đơn

có ý định không ký hợp đồng lao động mới, và còn gửi trước hơn 03 tháng so với thời gian 45 ngày theo quy định để nguyên đơn có thể sắp xếp để trở về nước hoặc xin một công việc khác ở Việt Nam. Hơn nữa, bị đơn đã thanh toán đầy đủ trợ cấp thôi việc theo quy định cho nguyên đơn tại thời điểm chấm dứt hợp đồng lao động với nguyên đơn. Nguyên đơn không có bất kỳ khiếu nại nào trong một thời gian rất dài mãi đến khi sắp hết thời hiệu khởi kiện. Như vậy, bị đơn đã bị cáo buộc đơn phương chấm dứt HĐLĐ số 03 trái pháp luật. Bị đơn yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Bản án lao động sơ thẩm số 06/2020/LĐ-ST ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh đã xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn: Buộc bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn H.VN phải trả cho nguyên đơn ông A.S tiền lương trong những ngày ông A.S không được làm việc và bồi thường cho ông A.S 02 tháng tiền lương theo hợp đồng lao động, tổng cộng 5.189.256.540đ (năm tỷ, một trăm tám mươi chín triệu, hai trăm năm mươi sáu nghìn, năm trăm bốn mươi đồng).

Thực hiện một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quy định về thi hành án cho các bên đương sự.

Ngày 03/9/2020, bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn H.VN nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ngày 27/4/2021, phía nguyên đơn và bị đơn đã có biên bản cam kết ghi nhận sự thỏa thuận của hai bên về việc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Haskoning DHV sẽ thanh toán toàn bộ tiền bồi thường số tiền 4.000.000.000 đồng cho ông A.S để hai bên chấm dứt các tranh chấp liên quan đến hợp đồng lao động mà hai bên đã giao kết, cam kết không khiếu nại thắc mắc bất cứ yêu cầu nào khác có liên quan đến quan hệ lao động giữa hai bên.

Án phí sơ thẩm hai bên mỗi bên tự nguyện chịu ½ án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm, hai bên đồng ý yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận sự thỏa thuận của hai bên, đồng thời cho biết đã tự giải quyết thi hành xong số tiền đã thỏa thuận theo biên bản ngày 27/4/2021.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật. Đơn kháng cáo của đương sự nằm trong hạn luật định nên hợp lệ.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và bị đơn đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc

thẩm sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: kháng cáo của bị đơn nằm trong thời hạn luật định, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo cùng thủ tục kháng cáo đã được thực hiện đúng quy định pháp luật, nên đơn kháng cáo được chấp nhận xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Ngày 27/4/2021, phía nguyên đơn và bị đơn đã có biên bản cam kết ghi nhận sự thỏa thuận của hai bên về việc Công ty Trách nhiệm hữu hạn H.VN sẽ thanh toán toàn bộ tiền bồi thường số tiền 4.000.000.000 đồng cho ông A.S để hai bên chấm dứt các tranh chấp liên quan đến hợp đồng lao động mà hai bên đã giao kết, cam kết không khiếu nại thắc mắc bất cứ yêu cầu nào khác có liên quan đến quan hệ lao động giữa hai bên. Án phí sơ thẩm hai bên mỗi bên tự nguyện chịu $\frac{1}{2}$ án phí. Tại phiên tòa phúc thẩm, hai bên đồng ý yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận sự thỏa thuận của hai bên, đồng thời cho biết đã tự giải quyết thi hành xong số tiền đã thỏa thuận theo biên bản ngày 27/4/2021.

Hội đồng xét xử xét thấy việc các đương sự đã tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật hoặc đạo đức xã hội và không ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của các đương sự. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định sửa bản án sơ thẩm và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Trong đó có sửa lại phần án phí sơ thẩm theo giá trị của biên bản thỏa thuận bồi thường là 4.000.000.000 đồng. Cụ thể:

- Án phí lao động sơ thẩm: 46.000.000đ (bốn mươi sáu triệu đồng), nguyên đơn và bị đơn mỗi bên chịu 23.000.000đ (hai mươi ba triệu đồng).

- Án phí lao động phúc thẩm: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) bị đơn chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 293, điểm c Khoản 1 Điều 298, Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp và quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Sửa bản án lao động sơ thẩm số 06 /2020/LĐ-ST, ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

1.1 Công ty Trách nhiệm hữu hạn H.VN bồi thường cho Ông A.S số tiền 4.000.000.000đ (Bốn tỷ đồng) nhằm giải quyết đầy đủ và dứt điểm tranh chấp và tất cả những vấn đề có liên quan đến các hợp đồng lao động giữa hai bên. Hai bên cam kết không tranh chấp, hay khiếu nại bất cứ vấn đề gì liên quan đến các hợp đồng lao động giữa hai bên đã ký kết.

1.2 Ông A.S đã nhận đủ số tiền nêu trên vào ngày 06/5/2021, thông qua việc Công ty Trách nhiệm hữu hạn H.VN chuyển tiền vào tài khoản của ông A.S tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần NN, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, PGD Nam Kỳ Khởi NN vào ngày 06/5/2021. Hai bên đã giao nhận xong số tiền 4.000.000.000đ (bốn tỷ đồng).

2. Về án phí:

Án phí lao động sơ thẩm: 46.000.000đ (bốn mươi sáu triệu đồng), Công ty Trách nhiệm hữu hạn H.VN và ông A.S mỗi bên phải chịu 23.000.000đ (Hai mươi ba triệu đồng).

Án phí lao động phúc thẩm: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), Công ty Trách nhiệm hữu hạn H.VN chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0027938, ngày 24/9/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TpHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TpHCM
- Viện kiểm sát nhân dân TpHCM;
- Tòa án nhân dân Quận H (Tp.T.D);
- Cục Thi hành án Dân sự TpHCM;
- Chi cục THA Dân sự Quận H (Tp.T.D);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu. 22b

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hoàng Hoa

